

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 148/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01/04/2025.

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO - TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Tấn Hiệu.

2. Ông Võ Trọng Nghĩa.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thành Khánh Duy – kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 543/2024/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2024 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/02/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Trần Anh K - sinh năm: 1990 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Nguyễn Thị Thùy T – sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Anh K trình bày: Anh K và chị T cưới nhau vào năm

2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 12/3/2014. Anh K và chị T chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, ly thân từ tháng 03/2024 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn anh K yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 02 con chung: Trần Bảo N – sinh ngày 10/02/2015 và Trần Phúc N1 – sinh ngày 14/01/2020. Khi ly hôn anh K đồng ý để cho chị T tiếp tục nuôi cả hai con chung. Anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 5.000.000 đồng/01 tháng

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy T: Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T biết để tham gia theo quy định nhưng chị T vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa anh K và chị T đã trầm trọng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án; Sự có mặt, vắng mặt đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh K thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nguyên đơn anh K có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K và chị T.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh K về việc được ly hôn chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào lời trình bày, các chứng cứ do đương sự cung cấp thì giữa chị T và anh K kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 12/3/2014. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2024, anh K và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 03/2024 cho đến thời điểm hiện tại, cuộc sống vợ chồng tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T không có ý kiến gì đối với yêu cầu được ly hôn của anh K. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì xem như chị T không có phản đối gì đối với yêu cầu được quyền ly hôn của anh K.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh K và chị T không còn hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh K.

[2.2]. Về con chung: Có 02 con chung: Trần Bảo N – sinh ngày 10/02/2015 và Trần Phúc N1 – sinh ngày 14/01/2020. Hiện nay 02 con chung đang sống cùng chị T, khi ly hôn anh K yêu cầu giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Do đó, để đảm bảo về vật chất, tinh thần và sự phát triển bình thường của con chung, việc giao con chung là Trần Bảo N – sinh ngày 10/02/2015 và Trần Phúc N1 – sinh ngày 14/01/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Phía anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng/01

tháng/01 cháu x 02 cháu = 10.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự không trái đạo đức xã hội, pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Anh K về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy T.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Anh K được quyền ly hôn chị Nguyễn Thị Thùy T.

Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Bảo N – sinh ngày 10/02/2015 và Trần Phúc N1 – sinh ngày 14/01/2020 cho chị Nguyễn Thị Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở cha mẹ thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Trần Bảo N – sinh ngày 10/02/2015 và Trần Phúc N1 – sinh ngày 14/01/2020

mỗi tháng 5.000.000 đồng/01 cháu, thời gian thực hiện bắt đầu khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu N và cháu N1 đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

2. Về án phí: Anh Trần Anh K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008234 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CCTHADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phương Dung